

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2019/HNGĐ-ST

Ngày 25 - 11 - 2019

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Quốc Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Ngọc Trân**

Bà **Phạm Kiều Diễm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Danh Quàng** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 85/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim L**, sinh ngày 01/8/1971

Địa chỉ: Số 72, ấp T, xã G, huyện C, tỉnh K.

- Bị đơn: Ông **Võ Phước D**, sinh ngày 07/4/1949

Địa chỉ: Số 4 H Court St, Al Vic 3021 Au

(Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 30/5/2019 và bản tự khai ngày 29/7/2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Năm 2017 bà và ông Vo Phuoc D quen biết qua mai mối. Quá trình tìm hiểu ông bà nảy sinh tình cảm và tiến đến hôn nhân. Ông bà có làm lễ cưới và được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh K cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 05/4/2017. Sau khi đám cưới xong ông Vo Phuoc D trở về Úc làm việc, còn bà ở lại Việt Nam. Cũng từ đó vợ chồng ông bà xa nhau dần mất tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn. Nay bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Vo Phuoc D.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Tại văn bản đồng ý ly hôn, bị đơn ông Vo Phuoc D trình bày: Ông thống nhất lời trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai của bà Nguyễn Thị Kim L, nay bà L yêu cầu ly hôn với ông, ông cũng đồng ý và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau :

Về hôn nhân: Cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim L.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, ông có đơn xin xét xử vắng mặt tại các phiên làm việc, phiên tòa xét xử vụ việc.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của nguyên đơn và bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim Loan và ông Vo Phuoc Duc đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa Nguyễn Thị Kim L và ông Vo Phuoc D là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn, được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/4/2017 theo đúng quy định tại Điều 8, 9 Bộ luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên nhân dẫn đến ly hôn giữa ông bà là do sau khi kết hôn ông Vo Phuoc D trở về Úc, hai bên vẫn còn liên lạc với nhau, nhưng nhận thấy không còn tình cảm với nhau, nếu kéo dài cuộc hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc, nên bà Loan làm đơn yêu cầu ly hôn, ông Vo Phuoc D cũng đồng ý ly hôn.

Nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim L và ông Vo Phuoc D lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên trong nghị án Hội đồng xét xử thống nhất cho bà Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với ông Vo Phuoc D.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Vo Phuoc D đều khẳng định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 37; Điều 228; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Phần tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Kim L ly hôn với ông Vo Phuoc D.

2. Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Vo Phuoc D không có con chung, nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Vo Phuoc D không có tài sản chung, nợ chung, nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim L nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số 0007115 ngày 12/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Riêng ông Vo Phuoc D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Quốc Chiến